

Số: /BC-THCS-THPTNH Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2026

BÁO CÁO
Kết quả khảo sát, đo lường sự hài lòng của người dân
đối với dịch vụ giáo dục công năm 2026

Thực hiện Kế hoạch số 3066/KH-SGDĐT ngày 9/4/2026 của Sở GDĐT Thành phố Hồ Chí Minh về kế hoạch thực hiện Đề án đo lường chất lượng hoạt động và cung cấp dịch vụ công tác tại CSGD trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm 2026;

Trường THCS và THPT Nguyễn Huệ đã xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch khảo sát, đo lường sự hài lòng của người dân đối với nhà trường năm 2026. Kết quả cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU

1. Mục tiêu chung

Khảo sát, đo lường sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công nhằm đánh giá một cách khoa học, minh bạch và khách quan chất lượng cung ứng dịch vụ của nhà trường thông qua việc tìm hiểu cảm nhận của những đối tượng trực tiếp thụ hưởng.

Kết quả khảo sát, đo lường là cơ sở để nhà trường xác định được nhu cầu, nguyện vọng của người dân từ đó có những biện pháp cải tiến, nâng cao chất lượng dịch vụ, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của người dân và đảm bảo sự hài lòng của người dân đối với chất lượng dịch vụ giáo dục của nhà trường.

2. Mục tiêu cụ thể:

Xác định được mức độ hài lòng đối với cách thức tiếp cận dịch vụ giáo dục; cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học; môi trường giáo dục; hoạt động giáo dục (tổ chức dạy học, phương pháp, hình thức, ...); về sự phát triển, tiến bộ và thực hiện nghĩa vụ đối với công dân của học sinh, học viên.

Công bố mức độ hài lòng của người dân.

Đề xuất, kiến nghị với các cơ quan quản lý và các cơ sở giáo dục một số biện pháp cải tiến nâng cao chất lượng dịch vụ, các điều kiện cung ứng và cách thức cung ứng dịch vụ giáo dục công.

3. Yêu cầu

Việc đo lường, đánh giá mức độ hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công phải được tiến hành một cách khoa học, khách quan, tuân thủ nghiêm

túc quy trình theo Bộ công cụ khảo sát và tài liệu Hướng dẫn triển khai đo lường sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công theo hướng dẫn của Bộ GDĐT.

Cán bộ quản lý, giáo viên không can thiệp, tư vấn làm sai lệch cảm nhận của học sinh, cha mẹ học sinh. Có sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa các đơn vị liên quan trong quá trình triển khai bảo đảm nghiêm túc, khách quan và đúng tiến độ.

Xử lý, phân tích và tổng hợp kết quả khảo sát, đo lường sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công phải đảm bảo tính khoa học, trung thực kết quả đánh giá, phản ánh của người dân thông qua việc sử dụng các dịch vụ giáo dục công.

II. PHẠM VI, SỐ LƯỢNG, NỘI DUNG KHẢO SÁT

1. Phạm vi

Khảo sát, đo lường sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công được thực hiện trên phạm vi toàn trường, khối học và trình độ đào tạo.

2. Số lượng

- Cha mẹ học sinh cấp THPT đang học tại trường năm học 2025-2026: 471

- Học sinh cấp THPT đang học tại trường năm học 2025-2026: 471

3. Nội dung và hình thức khảo sát

a) Nội dung khảo sát:

Theo bộ câu hỏi khảo sát và hướng dẫn triển khai xác định chỉ số hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công theo hướng dẫn của Bộ GDĐT.

Sử dụng 01 (một) mẫu Phiếu điều tra, khảo sát do Sở Giáo dục và Đào tạo ban hành nhằm đảm bảo phù hợp với từng đối tượng.

- *Tiếp cận dịch vụ giáo dục*, gồm: Tính đầy đủ, chính xác, kịp thời và minh bạch, hợp lý; Sự thuận tiện của việc thực hiện các dịch vụ công, như: nhập học, chuyển trường; Công nhận văn bằng và các dịch vụ công khác....

- *Cơ sở vật chất*, gồm: Đánh giá về phòng học, phòng chức năng, thiết bị dạy và học, về sân chơi,...; Đánh giá sự đáp ứng của thư viện về sách giáo khoa và sách tham khảo; Đánh giá điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động giáo dục.

- *Môi trường giáo dục*, gồm: Sự công bằng trong các hoạt động giáo dục, trong kiểm tra đánh giá kết quả học tập và theo dõi sự phát triển của người học; Sự minh bạch và công khai trong các hoạt động giáo dục; Các mối quan hệ trong nhà trường: giữa người học và người học, giữa giáo viên và người học, giữa gia đình và nhà trường; Văn hóa giáo dục học đường; Sự an toàn, thân thiện của môi trường giáo dục.

- *Hoạt động giáo dục*, gồm: Sự phù hợp của chương trình giáo dục và sách giáo khoa, sách tham khảo; Các hoạt động giáo dục, dạy học; Phương pháp dạy học của giáo viên; Các hình thức và phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, theo dõi sự phát triển; Hoạt động giáo dục ngoài giờ; Tổ chức phụ đạo học sinh yếu kém.

- *Kết quả giáo dục*, gồm: Đánh giá sự hài lòng về kết quả học tập, đạo đức; Đánh giá về khả năng thích ứng của người học, sự hài lòng của đơn vị sử dụng lao động đối với sinh viên tốt nghiệp đại học; Đánh giá về thực hiện nghĩa vụ công dân...

b) *Hình thức khảo sát*: Trả lời Phiếu khảo sát **trực tuyến trên google form**.

III. KẾT QUẢ KHẢO SÁT

1. Kết quả khảo sát từ Cha mẹ học sinh học sinh (*Phân tích theo tỷ lệ phần trăm*) Số cha mẹ học sinh tham gia khảo sát: 471

Nội dung khảo sát	Rất hài lòng	Hài lòng	Bình thường	Không hài lòng	Rất không hài lòng	Tỷ lệ hài lòng gộp %	Ghi chú
Câu 10. Việc cung cấp thông tin tuyển sinh, chuyển trường...đầy đủ, kịp thời	205	206	60	0	0	87	
Câu 11. Thủ tục nhập học, chuyển trường thuận tiện	206	202	63	1	0	87	
Câu 12. Địa điểm trường học gần nhà, đi lại thuận tiện, an toàn	201	206	64	5	0	86	
Câu 13. Mức học phí theo quy định của nhà nước phù hợp	209	214	48	0	0	90	
Câu 14. Các khoản đóng góp theo quy định của nhà trường, hội CMHS phù hợp	202	211	58	0	0	88	
Câu 15. Phòng học đáp ứng yêu cầu về diện tích, độ kiên cố, ánh sáng, thông thoáng	194	209	68	2	0	86	
Câu 16. Phòng học bộ môn, phòng đa chức năng đáp ứng yêu cầu môn học	208	201	62	5	2	87	

Câu 17. Thiết bị đồ dùng dạy học đáp ứng số lượng, chất lượng	187	212	72	5	1	85	
Câu 18. Các điều kiện đáp ứng yêu cầu CNTT	198	205	68	5	2	86	
Câu 19. Thư viện đủ SGK, tài liệu tham khảo, thiết bị chuyên dùng, được bố trí tại khu vực	193	223	55	0	0	88	
Câu 20. Khu sân chơi, thể dục thể thao, đáp ứng yêu cầu về diện tích, cây xanh bóng mát, an toàn	198	214	59	2	0	87	
Câu 21. Khu vệ sinh cho HS an toàn, sạch sẽ, có thiết tối thiểu	186	208	77	5	0	84	
Câu 22. Các hoạt động giáo dục của nhà trường minh bạch và công khai	203	215	53	1	0	89	
Câu 23. Dạy học và đánh giá kết quả học tập và rèn luyện công bằng	215	198	58	0	0	88	
Câu 24. Mối quan hệ giữa các học sinh thân thiện, đoàn kết	219	189	63	1	0	87	
Câu 25. Giáo viên quan tâm, nhiệt tình, yêu thương, tôn trọng học sinh	189	230	52	1	0	89	
Câu 26. Nhà trường phối hợp tốt với gia đình trong việc giáo dục học sinh	230	191	50	1	0	89	
Câu 27. Môi trường tự nhiên đầy đủ cây xanh bóng mát, ánh sáng, thoáng đãng	204	115	52	0	0	86	
Câu 28. Khu vực trong và xung quanh trường đảm bảo an ninh, an toàn, lành mạnh	195	213	63	0	0	87	
Câu 29. Học sinh được lựa chọn môn học phù hợp với	197	226	48	1	0	90	

định hướng nghề nghiệp của bản thân							
Câu 30. Các hoạt động giáo dục được tổ chức phù hợp, hình thức đa dạng, tạo hứng thú và cơ hội	188	129	54	2	0	85	
Câu 31. Phương pháp dạy học của giáo viên phát huy được tính tích cực, chủ động của học sinh, tạo	198	212	61	0	0	87	
Câu 32. Hình thức, phương pháp đánh giá kết quả học tập của học sinh đa dạng, công bằng và minh bạch	197	220	54	0	0	89	
Câu 33 Con tiến bộ nhiều về kết quả học tập và rèn luyện đạo đức, lối sống	196	225	50	1	0	89	
Câu 34. Con có khả năng tự học và thích ứng với sự thay đổi	187	223	61	0	0	87	
Câu 35. Con có khả năng vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn	187	221	63	2	0	87	
Câu 36. Con có khả năng lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với năng lực và sở thích, điều kiện và hoàn cảnh của bản thân	197	222	52	2	0	89	
Câu 37. Con thực hiện tốt các nghĩa vụ gia đình; công dân về kinh tế, văn hóa, xã hội...	201	221	49	0	0	90	
Câu 38. Nhà trường đáp ứng bao nhiêu % sự mong đợi của Ông/Bà khi cho con đi học?	90.6%						
Câu 39: Tiếp cận dịch vụ giáo dục:	Đa phần các ý kiến đều thể hiện việc thuận lợi khi tiếp cận dịch vụ giáo dục						

Câu 40. Cơ sở vật chất:	Đa phần các ý kiến đều yêu cầu nhà trường bổ sung lắp đặt hệ thống máy chiếu, trang thiết bị dạy học, sửa chữa nhà vệ sinh
Câu 41. Môi trường giáo dục:	Đa phần các ý kiến thể hiện môi trường giáo dục thân thiện, lành mạnh
Câu 42. Hoạt động giáo dục:	Đa phần các ý kiến thể hiện các hoạt động giáo dục bình thường, chưa thật sự nổi bật.
Câu 43. Kết quả giáo dục:	Đa phần các ý kiến thể hiện kết quả giáo dục của nhà trường Tốt

2. Kết quả khảo sát từ Học sinh (Phân tích theo tỷ lệ phần trăm) Số học sinh tham gia khảo sát: 471 em.

Nội dung khảo sát	Rất hài lòng	Hài lòng	Bình thường	Không hài lòng	Rất không hài lòng	Tỷ lệ hài lòng gộp	Ghi chú
Câu 8. Cung cấp thông tin tuyển sinh, chuyển trường.. đầy đủ, kịp thời	191	212	68	0	0	86	
Câu 9. Thủ tục nhập học, chuyển trường thuận tiện	188	209	74	0	0	84	
Câu 10 Địa điểm của trường học thuận tiện, an toàn	182	211	75	3	0	83	
Câu 11. Phòng học đáp ứng về diện tích, độ kiên cố, ánh sáng, thông thoáng,...	175	209	83	3	1	82	
Câu 12. Phòng học bộ môn, phòng đa chức năng đáp ứng yêu cầu môn học	157	207	94	10	3	77	
Câu 13. Thiết bị, đồ dùng dạy học,... đáp ứng số lượng, chất lượng và chủng loại	162	205	94	8	2	78	
Câu 14. Điều kiện (máy tính, mạng Internet,...) đáp ứng yêu cầu ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong nhà trường	155	204	101	8	3	76	
Câu 15. Thư viện đủ sách giáo khoa, tài liệu tham khảo, thiết bị	178	216	75	2	0	84	

chuyên dùng, được bố trí tại khu vực thuận lợi cho việc tiếp cận và sử dụng của học sinh							
Câu 16. Khu sân chơi, thể dục thể thao đáp ứng yêu cầu về diện tích, cây xanh bóng mát, an toàn,.	169	222	79	1	0	83	
Câu 17. Khu vệ sinh cho học sinh an toàn, sạch sẽ, có thiết bị tối thiểu	171	213	84	3	0	82	
Câu 18. Các hoạt động giáo dục của nhà trường minh bạch và công khai	190	217	61	3	0	86	
Câu 19. Dạy học và đánh giá kết quả học tập, rèn luyện công bằng	193	213	65	0	0	86	
Câu 20. Môi quan hệ giữa các học sinh thân thiện, đoàn kết.	185	196	87	3	0	81	
Câu 21. Giáo viên quan tâm, nhiệt tình, yêu thương, tôn trọng,... học sinh	192	212	66	1	0	86	
Câu 22. Lãnh đạo, giáo viên và nhân viên nhà trường thân thiện với học sinh và cha mẹ học sinh	195	212	63	1	0	86	
Câu 23. Môi trường tự nhiên đầy đủ ánh sáng, thoáng đãng, cây xanh bóng mát	188	213	67	2	1	85	
Câu 24. Khu vực trong và xung quanh trường đảm bảo an ninh, an toàn, lành mạnh	280	176	15	0	0	97	
Câu 25. Học sinh được tự lựa chọn môn học phù hợp với định hướng nghề nghiệp của bản thân	190	209	68	4	0	85	
Câu 26. Các hoạt động giáo dục được tổ chức phù hợp, hình thức đa dạng, tạo hứng thú và cơ hội	183	219	67	2	0	85	
Câu 27. Phương pháp dạy học của giáo viên phát huy được tính tích cực, chủ động của học sinh, tạo	180	222	67	2	0	85	

ơ hội cho học sinh phát triển phẩm chất và năng lực							
Câu 28. Hình thức, phương pháp đánh giá kết quả học tập của học sinh đa dạng và hiệu quả	185	214	71	1	0	85	
Câu 29. Hoạt động giáo dục hướng nghiệp giúp em có kiến thức về nghề nghiệp và năng lực định hướng nghề nghiệp	184	215	68	3	1	85	
Câu 30. Em tiến bộ nhiều về kết quả học tập và rèn luyện đạo đức, lối sống	185	221	65	0	0	86	
Câu 31. Em có khả năng tự học và thích ứng với sự thay đổi	185	208	77	1	0	83	
Câu 32. Em có khả năng vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn	177	211	82	1	0	82	
Câu 33. Em có khả năng lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với năng lực và sở thích, điều kiện và hoàn cảnh của bản thân	185	210	73	3	0	84	
Câu 34. Em thực hiện tốt các nghĩa vụ gia đình; công dân về kinh tế, văn hóa, xã hội	190	215	66	0	0	86	
Câu 35. Nhà trường đáp ứng bao nhiêu % sự mong đợi của Em trước khi anh/chị đi học? (điền từ 0% đến 100%)	86%						
Câu 36. Tiếp cận dịch vụ giáo dục	Đa phần các ý kiến đều thể hiện việc thuận lợi khi tiếp cận dịch vụ giáo dục						
Câu 37. Cơ sở vật chất	Đa phần các ý kiến đều yêu cầu nhà trường bổ sung lắp đặt hệ thống máy chiếu, trang thiết bị dạy học, sửa chữa nhà vệ sinh						
Câu 38. Môi trường giáo dục:	Đa phần các ý kiến thể hiện môi trường giáo dục thân thiện, lành mạnh						
Câu 39. Hoạt động giáo dục:	Đa phần các ý kiến thể hiện các hoạt động giáo dục bình thường, chưa thật sự nổi bật.						
Câu 40. Kết quả giáo dục:	Đa phần các ý kiến thể hiện kết quả giáo dục của nhà trường Tốt						

VI. NHẬN ĐỊNH

Nhìn chung, kết quả khảo sát hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục của trường THCS và THPT Nguyễn Huệ là rất khả quan, phần nào đã phản ánh một cách khách quan những nỗ lực của nhà trường trong việc nâng cao chất lượng dịch vụ giáo dục; thể hiện nhu cầu rất cao của người dân, nhất là của học sinh, đối với ngành giáo dục. Kết quả khảo sát, phần nào đã thể hiện những điểm còn hạn chế, cần phải khắc phục của nhà trường.

Điểm hài lòng chung, tỉ lệ hài lòng chung và tỉ lệ đáp ứng so với mong đợi của cha mẹ học sinh đối với các tiêu chí tiếp cận dịch vụ giáo dục, cơ sở vật chất, trang thiết bị, hoạt động giáo dục và sự phát triển và tiến bộ của người học đạt ở mức khá. Điều này chứng tỏ việc xây dựng cách tiếp cận giáo dục trong đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên nhà trường đang phát triển đúng hướng, chú trọng đến việc nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Các chỉ số chứng tỏ nhu cầu của cha mẹ học sinh đối với ngành giáo dục ngày càng cao hơn.

Đối với người học, điểm hài lòng chung và tỉ lệ đáp ứng so với mong đợi đạt ở mức khá trong khi tỉ lệ hài lòng chung chỉ đạt từ mức đến trung bình khá ở tất cả tiêu chí, là điều mà nhà trường cần quan tâm có những giải pháp đáp ứng nhu cầu của đối tượng trực tiếp thụ hưởng dịch vụ. Sự khác biệt trong quan điểm giữa cha mẹ học sinh và người học khi so sánh các chỉ số cho thấy người học có nhu cầu cao hơn đối với dịch vụ giáo dục công đang được cung cấp; cho thấy yêu cầu cao của học sinh, nhất là trong thời đại hội nhập toàn cầu; đồng thời, cũng cho thấy học sinh của trường khá tự tin, mạnh dạn, có chính kiến.

Ngoài ra, tồn tại mà nhà trường nói riêng cũng như ngành Giáo dục thành phố luôn phải đối diện là cơ sở vật chất trường học. Với tốc độ tăng dân số quá nhanh của thành phố, dù đã được các Ngành, các cấp hết sức quan tâm, hỗ trợ, nhưng tốc độ xây dựng trường lớp vẫn còn hạn chế. Diện tích sân chơi trong trường còn thấp, sĩ số học sinh/lớp cao. Điểm hài lòng chung và tỉ lệ hài lòng chung của tiêu chí cơ sở vật chất trường học cũng ở mức thấp so với các tiêu chí khác phản ánh rõ khó khăn mà nhà trường phải đối mặt. Đó cũng là rào cản, là thử thách lớn nhất đối với mục tiêu nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của nhà trường.

V. ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ CÔNG

1. Giải pháp nâng cao tiếp cận dịch vụ giáo dục

Nhà trường cần thực hiện nghiêm túc việc xây dựng và vận hành cổng thông tin điện tử của đơn vị, thông tin đầy đủ các hoạt động của nhà trường đối với cha mẹ học sinh và học sinh. Qua đó, tăng cường thực hiện việc công khai các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng nhà trường theo quy định. Khuyến khích việc sử dụng bộ công cụ khảo sát của Bộ Giáo dục và Đào tạo để đánh giá một cách khách quan, khoa học về chất lượng giáo dục của nhà trường, nhà trường cần tiếp tục

thực hiện tốt việc công khai các thủ tục hành chính liên quan đến thủ tục nhập học và chuyên trường, tăng cường dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 tại đơn vị.

Tiếp tục thực hiện nghiêm việc công khai thông tin tuyển sinh, các khoản thu – chi trong nhà trường, tạo điều kiện thuận lợi, thực hiện tốt việc tiếp thu các ý kiến phản ánh, kiến nghị, đóng góp cha mẹ học sinh và học sinh nhà trường với tinh thần lắng nghe, cầu thị.

2. Giải pháp nâng cao cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học

Nâng cấp cơ sở vật chất nhà trường, tiếp tục tăng cường trang bị các trang thiết bị phục vụ việc dạy và học, đặc biệt quan tâm đến việc nâng cấp, sửa chữa, cải thiện tình trạng của các nhà vệ sinh; quan tâm đến việc xây dựng, nâng cao diện tích sân chơi và tăng cường mảng xanh cho các nhà trường.

Nhà trường đẩy mạnh hơn nữa việc đầu tư xây dựng phòng học (ưu tiên tăng tỉ lệ học sinh học 2 buổi/ngày và giảm sĩ số, thực hiện tốt Chương trình Giáo dục phổ thông 2018), các phòng chức năng, các trang thiết bị hiện đại, đẩy mạnh xây dựng Thư viện thông minh, mô hình trường học tiên tiến, hiện đại.

3. Giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động giáo dục

Nhà trường cần chủ động xây dựng và triển khai thực hiện Chiến lược phát triển. Kế hoạch giáo dục nhà trường, phù hợp các mục tiêu, chỉ đạo của Ngành, của Thành phố. Trong đó, cần quan tâm thực hiện tốt các hoạt động ngoại khóa, gắn lý thuyết với thực tiễn, tăng cường giáo dục thể chất và thẩm mỹ. Giáo dục chính trị tư tưởng, lý tưởng sống, đạo đức, lối sống, nhất là giáo dục kỹ năng thực hành xã hội cho học sinh phải được đổi mới, đáp ứng yêu cầu phát triển toàn diện và nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao của thành phố.

4. Giải pháp nâng cao kết quả học tập

Nhà trường cần chủ động trong việc thực hiện các giải pháp nhằm giảm tải chương trình, tăng cường dạy học cá thể, tổ chức phụ đạo học sinh yếu – bồi dưỡng học sinh giỏi, giảm lý thuyết, tăng thực hành, đa dạng hóa các hình thức học tập, đáp ứng nhu cầu mỗi đối tượng học sinh theo hướng tiếp cận năng lực và phẩm chất người học.

Quan tâm bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ. Cán bộ quản lý giáo dục, Thủ trưởng các đơn vị, cơ sở giáo dục phải đổi mới nhận thức, nắm vững những văn bản quy phạm, các quy định có liên quan. Giáo viên phải hết sức chú trọng đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy – học, kiểm tra – đánh giá theo sát những định hướng đổi mới của ngành.

VI. Đánh giá chung

1. Ưu điểm

- Nhà trường đã chủ động và nghiêm túc triển khai khảo sát, đo lường mức độ hài lòng của cha mẹ học sinh và học sinh nhà trường năm học 2025-2026 đối với dịch vụ giáo dục của trường đúng theo hướng dẫn của Sở giáo dục.

- Tỷ lệ ý kiến hài lòng, rất hài lòng của cha mẹ học sinh và học sinh nhà trường đối với dịch vụ giáo dục của cha mẹ học sinh và học sinh nhà trường đạt tỉ lệ cao, đạt 88,3%, tỉ lệ ý kiến không hài lòng, rất không hài lòng ở mức thấp.

2. Hạn chế, tồn tại

Một số cha mẹ học sinh và học sinh ở một số lớp còn ngại khi tham gia khảo sát.

Báo cáo này thay thế Báo cáo số 295/BC-THCS-THPTNH ngày 26 tháng 5 năm 2026 của Trường THCS và THPT Nguyễn Huệ năm 2026 về kết quả khảo sát, đo lường sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công.

Trên đây là Báo cáo kết quả khảo sát, đo lường sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công của Trường THCS và THPT Nguyễn Huệ năm 2026./.

Nơi nhận:

- Sở Giáo dục và Đào tạo (*để báo cáo*);
- Đăng trên Website nhà trường;
- Cha mẹ học sinh và học sinh nhà trường;
- Lưu VT.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Nguyễn Thanh Thọ